

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP SINH 12

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN:

Câu 1: Quần xã sinh vật là:

- A. Tập hợp các quần thể sinh vật cùng loài, cùng sống trong một không gian nhất định, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với môi trường, tạo thành một cấu trúc tương đối ổn định, có khả năng tự điều chỉnh.
- B. Tập hợp các cá thể sinh vật khác loài, cùng sống trong một không gian nhất định, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với môi trường, tạo thành một cấu trúc tương đối ổn định, có khả năng tự điều chỉnh.
- C. Tập hợp các quần thể sinh vật khác loài, cùng sống trong một không gian nhất định, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với môi trường, tạo thành một cấu trúc tương đối ổn định, có khả năng tự điều chỉnh.
- D. Tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên, cùng sống trong một không gian nhất định, giữa chúng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và với môi trường, tạo thành một cấu trúc tương đối ổn định, có khả năng tự điều chỉnh.

Câu 2: Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?

- A. Số lượng các loài trong quần xã
- B. Thành phần loài trong quần xã
- C. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã
- D. Số lượng và thành phần loài trong quần xã

Câu 3: Tần số của một loại kiểu gene nào đó trong quần thể được tính bằng tỉ lệ giữa:

- A. số lượng allele đó trên tổng số allele của quần thể.
- B. số cá thể có kiểu gene đó trên tổng số allele của quần thể.
- C. số cá thể có kiểu gene đó trên tổng số cá thể của quần thể.
- D. số lượng allele đó trên tổng số cá thể của quần thể.

Câu 4: Cơ quan tương đồng là những cơ quan

- A. không có chức năng rõ ràng nhưng rất giống cấu trúc vốn có chức năng nhất định ở loài tổ tiên.
- B. giống nhau giữa các loài do cùng thừa hưởng các gene từ tổ tiên chung.
- C. khác nhau giữa các loài nhưng cùng thực hiện một chức năng.
- D. giống nhau giữa các loài nhưng không phải do thừa hưởng gene từ tổ tiên chung.

Câu 5: Đặc trưng nào sau đây là của quần xã sinh vật?

- A. Kiểu tăng trưởng.
- B. Nhóm tuổi.
- C. Thành phần loài.
- D. Mật độ cá thể.

Câu 6: Phương pháp Darwin xây dựng học thuyết về chọn lọc tự nhiên và hình thành loài theo các bước nào sau đây?

- A. Quan sát → hình thành giả thuyết → kiểm chứng giả thuyết → hình thành học thuyết
- B. Quan sát → hình thành học thuyết → hình thành giả thuyết → kiểm chứng giả thuyết
- C. Hình thành giả thuyết → kiểm chứng giả thuyết → hình thành học thuyết → quan sát
- D. Hình thành học thuyết → quan sát → hình thành giả thuyết → kiểm chứng giả thuyết

Câu 7: Các sinh vật trong quần xã phân bố

- A. Theo chiều thẳng đứng và chiều ngang
- B. Đồng đều và theo nhóm.
- C. Ngẫu nhiên và đồng đều.
- D. Theo chiều thẳng đứng và theo nhóm.

Câu 8: Trong 1 ao nuôi cá, người ta thường nuôi ghép các loài cá sống ở các tầng nước khác nhau. Kỹ thuật nuôi ghép này đem lại bao nhiêu lợi ích sau đây?

- (1) Tận dụng diện tích ao nuôi.

- (2) Có thể tiết kiệm chi phí sản xuất.
 (3) Tận dụng nguồn sống của môi trường.
 (4) Rút ngắn thời gian sinh trưởng của tất cả các loại cá trong ao.

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 9: Tồn tại chủ yếu trong học thuyết Darwin là

- A. chưa hiểu rõ nguyên nhân phát sinh biến dị và cơ chế di truyền các biến dị.
 B. chưa giải thích thành công cơ chế hình thành các đặc điểm thích nghi ở sinh vật.
 C. chưa đi sâu vào các con đường hình thành loài mới.
 D. chưa làm rõ tổ chức của loài sinh học.

Câu 10: Theo thuyết tiến hoá tổng hợp thì tiến hóa nhỏ là quá trình

- A. hình thành các đơn vị phân loại trên loài như: chi, họ, bộ, lớp, ngành.
 B. biến đổi tần số các allele và thành phần kiểu gene của quần thể.
 C. biến đổi kiểu hình của quần thể gốc đưa đến hình thành loài mới.
 D. biến đổi thành phần kiểu gene dẫn tới biến đổi kiểu hình mới.

Câu 11: Một số cây cùng loài sống gần nhau có hiện tượng rễ của chúng nối liền với nhau (liền rễ). Hiện tượng này thể hiện mối quan hệ:

A. Cạnh tranh cùng loài

B. Hỗ trợ cùng loài

C. Cộng sinh

D. Hỗ trợ khác loài

Câu 12: Theo quan điểm thuyết tiến hóa hiện đại, đơn vị tiến hóa cấp cơ sở là:

A. cá thể.

B. quần thể.

C. quần xã.

D. hệ sinh thái

Câu 13: Quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể có điểm chung là:

- A. Chỉ xuất hiện khi mật độ quần thể tăng cao.
 B. Điều có lợi cho sự tồn tại và phát triển của quần thể.
 C. Điều làm tăng khả năng sống sót và sinh sản của các cá thể.
 D. Điều giúp duy trì mật độ của quần thể ổn định qua các thế hệ.

Câu 14: Trong lịch sử phát triển của sinh vật trên Trái Đất, loài người xuất hiện ở

A. Kì Cretaceous (Phấn trắng) của đại Trung sinh.

B. Kì Đệ tam của đại Tân sinh

C. Kì Đệ tứ của đại Tân sinh.

D. Kì Trias của đại Trung sinh.

Câu 15: Điều nào sau đây *không* đúng khi nói về hóa thạch?

- A. Hóa thạch có ý nghĩa to lớn để nghiên cứu lịch sử vỏ Trái Đất.
 B. Hóa thạch có ý nghĩa to lớn trong nghiên cứu địa chất học.
 C. Căn cứ vào hóa thạch có thể suy ra lịch sử phát sinh, phát triển và diệt vong của sinh vật.
 D. Hóa thạch là bằng chứng gián tiếp của tiến hóa và phát triển của sinh vật.

Câu 16: Sự phân bố theo nhóm cá thể trong quần thể có ý nghĩa gì?

- A. Làm giảm sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể
 B. Làm tăng sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể
 C. Giúp sinh vật tận dụng được nguồn sống từ môi trường.
 D. Giúp sinh vật hỗ trợ nhau chống chọi với bất lợi từ môi trường

Câu 17: Trong quần thể có chứa các biến dị di truyền, trình tự đúng của các sự kiện sau đây dưới tác động của chọn lọc tự nhiên là gì?

- (1) Những cá thể thích nghi tốt để lại nhiều con cháu hơn những cá thể kém thích nghi.
 (2) Môi trường có sự biến đổi.
 (3) Cấu trúc di truyền trong quần thể bị thay đổi.
 (4) Những cá thể kém thích nghi sẽ giảm bớt khả năng sống sót.

A. (2) → (4) → (1) → (3)

B. (4) → (2) → (1) → (3)

C. (2) → (4) → (3) → (1)

D. (2) → (4) → (3) → (1)

Câu 18: Quá trình tiến hóa trên trái đất có thể chia làm các giai đoạn:

- A. Tiến hóa hóa học → tiến hóa tiền sinh học → tiến hóa sinh học.
- B. Tiến hóa hóa học → tiến hóa sinh học → tiến hóa tiền sinh học.
- C. Tiến hóa sinh học → tiến hóa hóa học → tiến hóa tiền sinh học.
- D. Tiến hóa sinh học → tiến hóa tiền sinh học → tiến hóa hóa học.

Câu 19: Quan hệ hỗ trợ trong quần xã biểu hiện ở

- A. cộng sinh, hội sinh, hợp tác.
- B. quần tụ thành bầy hay cụm và hiệu quả nhóm.
- C. kí sinh - vật chủ, vật ăn thịt - con mồi, ức chế.
- D. cộng sinh, hội sinh, kí sinh.

Câu 20. Cơ quan thoái hoá là cơ quan

- A. Phát triển không đầy đủ ở cơ thể trưởng thành.
- B. Thay đổi cấu tạo phù hợp với chức năng mới
- C. Thay đổi chức năng
- D. Biến mất hoàn toàn

Câu 21: Cá cóc Tam đảo là loài chỉ gặp ở quần xã rừng Tam đảo mà ít gặp ở các quần xã khác. Cá cóc Tam đảo được gọi là

- A. Loài đặc trưng.
- B. Loài ngẫu nhiên.
- C. Loài ưu thế.
- D. Loài phân bố rộng

Câu 22: Cá hề ẩn náu khỏi kẻ thù bằng các xúc tu có chứa chất độc của hải quỳ, mối quan hệ giữa cá hề và hải quỳ là gì?

- A. Cộng sinh
- B. Kí sinh
- C. Hội sinh
- D. Cạnh tranh

Câu 23: Ở thực vật, allele B quy định lá nguyên trội hoàn toàn so với allele b quy định là xẻ thùy. Trong quần thể đang cân bằng di truyền, cây lá nguyên chiếm tỉ lệ 96%. Theo lí thuyết, thành phần kiểu gene của quần thể này là

- A. 0,32 BB : 0,64 Bb : 0,04 bb.
- B. 0,36 BB : 0,48 Bb : 0,16 bb.
- C. 0,04 BB : 0,32 Bb : 0,64 bb.
- D. 0,64 BB : 0,32 Bb : 0,04 bb.

Câu 24. Vốn gene của quần thể là tập hợp của tất cả

- A. Các kiểu hình trong quần thể tại một thời điểm xác định.
- B. Các kiểu gene trong quần thể tại một thời điểm xác định.
- C. Các allele của tất cả các gen trong quần thể tại một thời điểm xác định.
- D. Các gene trong quần thể tại một thời điểm xác định

Câu 25. Vốn gene của một quần thể không thay đổi qua nhiều thế hệ. Điều nào là cần thiết để hiện tượng trên xảy ra?

- A. Đột biến không xảy ra.
- B. Quần thể đạt cân bằng di truyền.
- C. Quần thể cách li với các quần thể khác.
- D. Không xảy ra các yếu tố ngẫu nhiên.

Câu 26. Khi thống kê số lượng cá thể của một quần thể sóc, người ta thu được số liệu: 105AA: 15Aa: 30aa. Tần số tương đối của mỗi allele trong quần thể là:

- A. A = 0,70 ; a = 0,30
- B. A = 0,80 ; a = 0,20
- C. A = 0,25 ; a = 0,75
- D. A = 0,75 ; a = 0,25

Câu 27. Cơ quan tương đồng là những cơ quan

- A. không có chức năng rõ ràng nhưng rất giống cấu trúc vốn có chức năng nhất định ở loài tổ tiên.
- B. giống nhau giữa các loài do cùng thừa hưởng các gene từ tổ tiên chung.
- C. khác nhau giữa các loài nhưng cùng thực hiện một chức năng.
- D. giống nhau giữa các loài nhưng không phải do thừa hưởng gene từ tổ tiên chung.

Câu 28. Cơ quan tương tự là những cơ quan

- A. không có chức năng rõ ràng nhưng rất giống cấu trúc vốn có chức năng nhất định ở loài tổ tiên.
- B. giống nhau giữa các loài do cùng thừa hưởng các gene từ tổ tiên chung.

- C. giống nhau giữa các loài nhưng thực hiện chức năng khác nhau.
D. giống nhau giữa các loài nhưng không phải do thừa hưởng gene từ tổ tiên chung.

Câu 29. Cơ quan thoái hóa là cơ quan

- A. không có chức năng rõ ràng nhưng rất giống cấu trúc vốn có chức năng nhất định ở loài tổ tiên.
B. giống nhau giữa các loài do cùng thừa hưởng các gene từ tổ tiên chung.
C. giống nhau giữa các loài nhưng thực hiện chức năng khác nhau.
D. giống nhau giữa các loài nhưng không phải do thừa hưởng gene từ tổ tiên chung.

Câu 30. Theo Darwin, chọn lọc tự nhiên là quá trình

- A. đào thải những biến dị bất lợi.
B. tích lũy những biến dị có lợi cho sinh vật.
C. vừa đào thải những biến dị bất lợi vừa tích lũy những biến dị có lợi cho sinh vật.
D. tích lũy những biến dị có lợi cho con người.

Câu 31. Nhân tố tiến hóa nào sau đây **không** làm thay đổi tần số allele của quần thể?

- A. Đột biến. B. Chọn lọc tự nhiên
C. Di - nhập gene. D. Giao phối không ngẫu nhiên.

Câu 32. Sự sống trên Trái Đất được phát sinh và phát triển lần lượt qua các giai đoạn:

- A. tiến hoá hoá học → tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học.
B. tiến hoá hoá học → tiến hoá sinh học → tiến hoá tiền sinh học.
C. tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá hoá học → tiến hoá sinh học.
D. tiến hoá sinh học → tiến hoá tiền sinh học → tiến hoá sinh học.

Câu 33. Nếu mật độ của một quần thể sinh vật tăng quá mức tối đa thì:

- A. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.
B. sự cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể giảm xuống.
C. sự hỗ trợ giữa các cá thể trong quần thể tăng lên.
D. sự xuất cư của các cá thể trong quần thể giảm tới mức tối thiểu

Câu 34. Vào mùa sinh sản, các cá thể cái trong quần thể cò tranh giành nhau nơi thuận lợi để làm tổ. Đây là ví dụ về mối quan hệ

- A. Hỗ trợ cùng loài. B. Cạnh tranh cùng loài.
C. Hội sinh. D. Hợp tác.

Câu 35. Khi sống trong cùng một sinh cảnh, chung nguồn thức ăn. Để giảm bớt sự cạnh tranh, một số loài thường có xu hướng:

- A. Một số loài tự tách ra khỏi quần thể sáp nhập vào quần thể khác.
B. Phân li ổ sinh thái.
C. Lựa chọn nơi ở mà có ít kẻ thù.
D. Phân li thành nhiều kiểu hình khác nhau.

Câu 36. Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?

- A. Một khu rừng B. Một hồ tự nhiên
C. Một đàn chuột đồng D. Một ao cá

Câu 37. Đặc trưng nào sau đây là của quần xã sinh vật?

- A. Kiểu tăng trưởng. B. Nhóm tuổi. C. Thành phần loài. D. Mật độ cá thể

Câu 38. Các sinh vật trong quần xã phân bố

- A. Theo chiều thẳng đứng và chiều ngang
B. Đồng đều và theo nhóm.
C. Ngẫu nhiên và đồng đều.
D. Theo chiều thẳng đứng và theo nhóm.

Câu 39. Trong một ao cá, mối quan hệ có thể xảy ra khi hai loài cá có cùng nhu cầu thức ăn là

- A. Vật ăn thịt con mồi B. Ức chế - cảm nhiễm
C. Cạnh tranh D. Kí sinh

Câu 40. Quan hệ giữa hai loài sống chung với nhau, cả hai cùng có lợi và không nhất thiết phải xảy ra là:

A. quan hệ hợp tác **B.** quan hệ cộng sinh **C.** quan hệ hội sinh **D.** quan hệ kí sinh.

II. TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI

Câu 1: Khi nói về biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật, các nhận định dưới đây là đúng hay sai?

- a)** Biến động số lượng được coi là phản ứng tổng hợp của quần thể trước sự biến đổi của điều kiện sống, đặc biệt là nguồn thức ăn và không gian sống cũng như các nhân tố môi trường khác.
- b)** Biến động không theo chu kì thường xảy ra với các loài sinh vật có kích thước nhỏ và tuổi thọ thấp.
- c)** Các loài sinh vật có kích thước nhỏ và tuổi thọ thấp thường biến động theo chu kì ngày đêm.
- d)** Cạnh tranh là nhân tố duy nhất điều chỉnh số lượng cá thể của quần thể.

Câu 2: Giả sử 4 quần thể của một loài sinh vật kí hiệu là A, B, C, D có diện tích khu phân bố và mật độ cá thể như sau:

Quần thể	A	B	C	D
Diện tích khu phân bố (ha)	100	120	80	90
Mật độ (cá thể/ha)	22	25	26	21

Cho biết diện tích khu phân bố của 4 quần thể không thay đổi, không có hiện tượng xuất cư và nhập cư.

- a)** Quần thể D có kích thước nhỏ nhất.
- b)** Kích thước của quần thể A lớn hơn kích thước của quần thể C.
- c)** Nếu kích thước của quần thể B tăng 5%/năm thì sau 1 năm mật độ cá thể của quần thể này là 26,25 cá thể/ha.
- d)** Nếu kích thước của quần thể C tăng 5%/năm thì sau 1 năm quần thể này tăng thêm 152 cá thể.

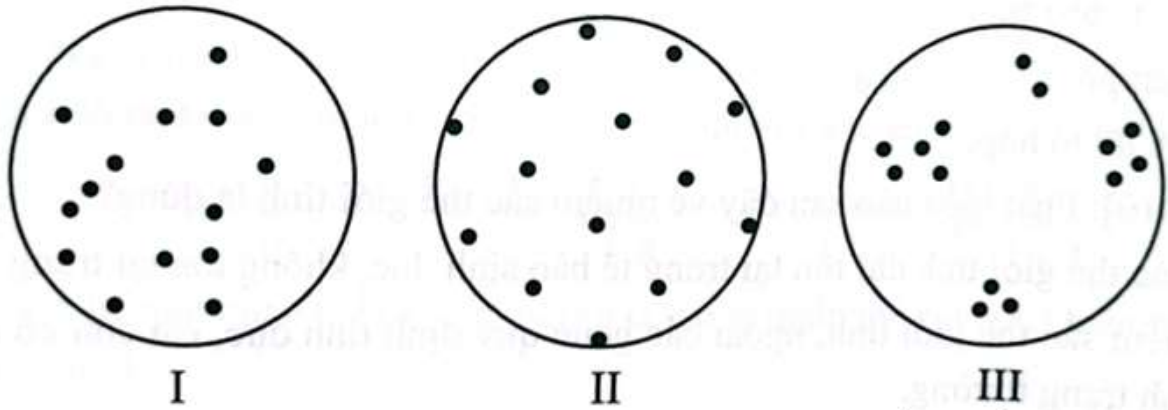
Câu 3: Khi nói về quần xã sinh vật, các phát biểu dưới đây là đúng hay sai?

- a)** Các quần xã thường khác nhau về số lượng loài trong sinh cảnh mà chúng cư trú.
- b)** Rừng cây ngập mặn vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định là một quần thể.
- c)** Quần xã là tập hợp các quần thể sinh vật cùng loài sống trong một không gian xác định, ở đó chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau và với môi trường để tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian.
- d)** Các loài sinh vật trong quần xã thường phân bố thành nhiều tầng theo chiều thẳng đứng hoặc tập trung ở những nơi thuận lợi theo mặt phẳng ngang.

Câu 4: Khi nói về mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể sinh vật, các nhận định dưới đây là đúng hay sai?

- a)** Hiện tượng ăn thịt đồng loại luôn dẫn đến sự diệt vong của loài.
- b)** Quan hệ hỗ trợ giúp quần thể thích nghi tốt hơn với môi trường.
- c)** Quan hệ cạnh tranh có thể xảy ra ở các quần thể thực vật.
- d)** Sự cạnh tranh trong quần thể chỉ xảy ra khi môi trường thiếu thức ăn.

Câu 5: Sự phân bố trong không gian của các cá thể trong quần thể phản ánh mối quan hệ giữa các cá thể và giữa cá thể với môi trường. Dưới đây là 3 kiểu phân bố cá thể của 3 quần thể (I, II, III). Nhận định dưới đây đúng/sai:



- Kiểu phân bố I là kiểu phân bố phổ biến nhất trong tự nhiên.
- Kiểu phân bố II thể hiện mối quan hệ cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể trong quần thể.
- Kiểu phân bố III thường gặp khi điều kiện môi trường sống phân bố đồng đều trong môi trường.
- Trong tự nhiên, quần thể chim hải âu thường phân bố theo kiểu phân bố III.

Câu 6: Khi nói về đặc điểm của quần thể sinh vật, các nhận định dưới đây là đúng hay sai?

- Quần thể là tập hợp các cá thể cùng loài.
- Các cá thể trong quần thể có khả năng giao phối với nhau.
- Các cá thể trong quần thể có kiểu gen hoàn toàn giống nhau.
- Quần thể có khu phân bố rộng, giới hạn bởi các chướng ngại của thiên nhiên như sông núi, eo biển.

PHẦN III: TRẢ LỜI NGẮN:

Câu 1: Một quần thể có thành phần kiểu gene: $0,5AA + 0,4Aa + 0,1aa = 1$. Tần số allele A bao nhiêu?

Câu 2: Trong các mối quan hệ sau, có bao nhiêu mối quan hệ mà trong đó chỉ có 1 loài có lợi?

- Cây tỏi tiết chất gây ức chế hoạt động của vi sinh vật ở môi trường xung quanh.
- Cây tầm gửi sống trên thân cây gỗ.
- Cây phong lan sống bám trên cây gỗ trong rừng
- Cây nắp ấm bắt ruồi làm thức ăn
- Cá ép sống bám trên cá lớn.

Câu 3: Để chứng minh nguồn gốc của các loài, người ra sử dụng nhiều bằng chứng để chứng minh mối quan hệ tiến hoá giữa các loài sinh vật, như: bằng chứng giải phẫu so sánh, bằng chứng hóa thạch, bằng chứng sinh học phân tử, bằng chứng sinh học tế bào. Có bao nhiêu bằng chứng nói trên được xem là bằng chứng gián tiếp?

* Hướng dẫn giải: Các bằng chứng gián tiếp gồm bằng chứng giải phẫu so sánh, bằng chứng sinh học tế bào.

Câu 4: Darwin là người đầu tiên đưa ra được bao nhiêu khái niệm trong các khái niệm sau đây?

- I. Biến dị cá thể. II. Chọn lọc tự nhiên. III. Chọn lọc nhân tạo. IV. Đột biến gene

Câu 5: Trong 1 ao nuôi cá, người ta thường nuôi ghép các loài cá sống ở các tầng nước khác nhau. Kỹ thuật nuôi ghép này đem lại bao nhiêu lợi ích sau đây?

- Tận dụng diện tích ao nuôi.
- Có thể tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Tận dụng nguồn sống của môi trường.
- Rút ngắn thời gian sinh trưởng của tất cả các loại cá trong ao.

Câu 6: Dưới tác động của cơ chế tiến hóa, quá trình tiến hóa sinh học hình thành nên thế giới sống đa dạng và phong phú. Sự phát triển của sinh giới trải qua bao nhiêu đại?

Câu 7: Có bao nhiêu ví dụ sau đây chứng minh ánh sáng đã ảnh hưởng đến hình thái thực vật?

- (1) Cây mọc vươn về phía có ánh sáng.
- (2) Vào mùa đông, thời gian chiếu sáng ít, sâu đòì đình dục.
- (3) Cùng loài, cây mọc nơi nhiều ánh sáng có vỏ dày hơn, thân cây nhặt, cây thấp và tán rộng hơn.
- (4) Những cây tầm gửi ưa bóng sống nhờ trên cây khác.

Câu 8: Có bao nhiêu ví dụ dưới đây là một quần thể?

- (1) Một đàn ong thợ đang hút mật trong vườn.
- (2) Các vi sinh vật sống cộng sinh trong dạ cỏ của bò.
- (3) Một đàn bò cái trong nông trại bò.
- (4) Các cây thông trên rừng thông.

Câu 9: Xét tập hợp sinh vật sau:

- (1) Cá rô phi đơn tính ở trong hồ.
- (2) Cá trắm cỏ trong ao.
- (3) Sen trong đầm.
- (4) Cây ở ven hồ.
- (5) Chuột trong vườn.
- (6) Bèo tấm trên mặt ao.

Có bao nhiêu tập hợp sinh vật là quần thể?

Câu 10. Cho các mối quan hệ sau đây:

- (1) Tảo giáp nở hoa gây độc cho tôm ăn cá.
- (2) Cây phong lan sống bám trên thân cây gỗ.
- (3) Cây tỏi tiết chất gây ức chế hoạt động của các vi sinh vật xung quanh.
- (4) Cú và chồn cùng sống trong rừng, cùng bắt chuột làm thức ăn.
- (5) Trùng roi sống trong ruột mối.

Có bao nhiêu mối quan hệ là ức chế - cảm nhiễm?

Đáp án: 2

Câu 11. Trong 1 ao nuôi cá, người ta thường nuôi ghép các loài cá sống ở các tầng nước khác nhau. Kỹ thuật nuôi ghép này đem lại bao nhiêu lợi ích sau đây?

- (1) Tận dụng diện tích ao nuôi.
- (2) Có thể tiết kiệm chi phí sản xuất.
- (3) Tận dụng nguồn sống của môi trường.
- (4) Rút ngắn thời gian sinh trưởng của tất cả các loại cá trong ao.

Câu 12. Cho các yếu tố/cấu trúc/sinh vật sau đây:

- | | |
|--------------------------|--|
| (1) Lốp lá rụng nền rừng | (2) Cây phong lan bám trên thân cây gỗ |
| (3) Đất | (4) Hơi ẩm |
| (5) Chim làm tổ trên cây | (6) Gió |
| (7) Nước biển | (8) Con người |

Có bao nhiêu yếu tố kể trên là yếu tố vô sinh?

Hướng dẫn giải:

Các yếu tố vô sinh là: (1), (3), (4), (6), (7)

IV. TỰ LUẬN:

- Phân biệt tiến hóa lớn và tiến hóa nhỏ.

- Tóm tắt các giai đoạn của quá trình phát sinh sự sống.

- Khái niệm quần thể? Cho ví dụ. Kể tên các mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể. - Em hãy cho biết mối quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể có làm quần suy vong không? Vì sao?

- Trình bày các đặc trưng cơ bản của quần thể.

- Lấy 1 số ví dụ về ứng dụng các hiểu biết về quần thể trong chăn nuôi và trồng trọt.
- Khái niệm quần xã sinh vật? Cho ví dụ?
- Trình bày các đặc trưng cơ bản của quần xã.
- Kể tên các mối quan hệ trong quần xã, 1 mối quan hệ lấy 1 ví dụ minh họa.
- Em hãy nêu một số biện pháp bảo vệ quần xã sinh vật đang được thực hiện tại địa phương em.

Hết